

Trường THCS Hải Lý

Tổ: Khoa học xã hội

Họ và tên giáo viên:

Trần Thị Minh Trang

TUẦN 9

KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn học/Hoạt động giáo dục: **ĐỊA LÍ**; Lớp: 6

Thời gian thực hiện: 1 Tiết

Ngày soạn: 22/10/2022

Ngày kiểm tra: 6A – 1/11/2022

6D – 5/11/2022

6E – 4/11/2022

I. MỤC TIÊU

1. Về năng lực

1.1. Tại sao cần học địa lí

- Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.
- Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kĩ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.
- Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.

1.2. Bản đồ: phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất

- Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu.
- Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình.
- Đọc và xác định được vị trí của đối tượng địa lí trên bản đồ.
- Ghi được tọa độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ.
- Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ.
- Biết tìm đường đi trên bản đồ.
- Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh.

1.3. Trái Đất – hành tinh của hệ Mặt Trời

- Xác định được vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời.
- Mô tả được hình dạng, kích thước Trái Đất.
- Mô tả được chuyển động của Trái Đất: quanh trục
- Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ).
- Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau
- Mô tả được sự lệch hướng chuyển động của vật thể theo chiều kinh tuyến.
- So sánh được giờ của hai địa điểm trên Trái Đất.

2. Về phẩm chất

Yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm

II. YÊU CẦU

1. Giáo viên

- Xây dựng ma trận và đặc tả về kiểm tra
- Xây dựng đề và hướng dẫn chấm

2. Học sinh

Ôn tập các nội dung từ bài Mở đầu đến bài 7 phân môn Địa lí 6 sách Kết nối tri thức với cuộc sống

III. TIẾN TRÌNH

1. Khung ma trận

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức				Tổng % điểm
			Nhận biết (TNKQ)	Thông hiểu (TL)	Vận dụng (TL)	Vận dụng cao (TL)	
1	Tại sao cần học Địa lí (1 tiết)	1. Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu 2. Những điều lí thú khi học môn Địa lí 3. Địa lí và cuộc sống	2TN				5% (0,5đ)
2	Bản đồ: phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất (6 tiết)	1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ 3. Các loại bản đồ thông dụng 4. Lược đồ trí nhớ	6TN		1 TL (a)	1 TL(b)	30% (3đ)
3	Trái Đất – hành tinh của hệ Mặt Trời	1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời 2. Hình dạng, kích thước Trái Đất		1TL			15% (1,5đ)

(3 tiết)	3. Chuyển động của Trái Đất và hệ quả địa lí					
Tổng số câu		8TN	1TL	1TL(a)	1TL(b)	
Tỉ lệ %		20%	15%	10%	5%	50%

2. Bản đặc tả

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	VD cao
1	Tại sao cần học Địa lí	1. Những khái niệm cơ bản và kỹ năng chủ yếu	Thông hiểu Hiểu được tầm quan trọng của việc nắm các khái niệm cơ bản, các kỹ năng địa lí trong học tập và trong sinh hoạt.				
		2. Những điều lí thú khi học môn Địa lí	Vận dụng Hiểu được ý nghĩa và sự lí thú của việc học môn Địa lí.				
		3. Địa lí và cuộc sống	Nhận biết Nêu được vai trò của Địa lí trong cuộc sống.	2TN			
2	Bản đồ: phương tiện thể hiện bề mặt Trái Đất	1. Hệ thống kinh vĩ tuyến. Toạ độ địa lí của một địa điểm trên bản đồ 2. Các yếu tố cơ bản của bản đồ 3. Các loại bản đồ thông dụng	Nhận biết - Xác định được trên bản đồ và trên quả Địa Cầu: kinh tuyến gốc, xích đạo, các bán cầu. - Đọc được các kí hiệu bản đồ và chú giải bản đồ hành chính, bản đồ địa hình. Vận dụng - Ghi được toạ độ địa lí của một địa điểm trên	6TN		1 TL (a)	

		4. Lược đồ trí nhớ	<p>bản đồ.</p> <ul style="list-style-type: none"> – Xác định được hướng trên bản đồ và tính khoảng cách thực tế giữa hai địa điểm trên bản đồ theo tỉ lệ bản đồ. – Biết tìm đường đi trên bản đồ. – Vẽ được lược đồ trí nhớ thể hiện các đối tượng địa lí thân quen đối với cá nhân học sinh. <p>Vận dụng cao</p> <p>Tính khoảng cách bản đồ giữa 2 địa điểm dựa trên tỉ lệ bản đồ và khoảng cách thực tế.</p>				1 TL(b)
3	Trái Đất – hành tinh của hệ Mặt Trời	<p>1. Vị trí của Trái Đất trong hệ Mặt Trời</p> <p>2. Hình dạng, kích thước Trái Đất</p> <p>3. Chuyển động của TĐ và hệ quả địa lí</p>	<p>Thông hiểu</p> <ul style="list-style-type: none"> – Nhận biết được giờ địa phương, giờ khu vực (múi giờ). – Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau – Trình bày được hiện tượng ngày đêm dài ngắn theo mùa. 		1 TL		
Tổng số câu				8TN	1TL	1TL(a)	1TL(b)
Tỉ lệ (%)				20	15	10	5

3. Đề kiểm tra

PHÒNG GD&ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI LÝ

ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Địa lý – lớp 6

(Thời gian làm bài: 45 phút)

Đề khảo sát gồm: 1 trang

ĐỀ CHÍNH THỨC

A. TRẮC NGHIỆM (2 điểm)

Phân môn: Địa lí

Câu 1. Nhận định nào sau đây là **sai**: Có kiến thức tốt về môn Địa lí sẽ giúp chúng ta

- A. tiến hành các hoạt động sản xuất an toàn hơn. B. tránh thiệt hại do thiên tai.
C. xác định chính xác kích thước của một vật. D. gắn kiến thức với đời sống

Câu 2. Hiện tượng nào sau đây là hiện tượng tự nhiên?

- A. Sạt lở ở đồi núi. B. Công nhân xây nhà.
C. Xẻ núi làm đường. D. Đổ đất lấp bãi biển.

Câu 3. Trên quả Địa Cầu có mấy điểm cực? A. 1. B. 2. C. 3. D. 4.

Câu 4. Vĩ tuyến gốc chính là

- A. chí tuyến Bắc. B. Xích đạo. C. chí tuyến Nam. D. hai vòng cực.

Câu 5: Kinh tuyến Tây là kinh tuyến

- A. nằm bên trái của kinh tuyến gốc. B. nằm bên phải của kinh tuyến gốc.
C. nằm phía dưới xích đạo. D. nằm phía trên xích đạo.

Câu 6: Vĩ tuyến gốc chia quả Địa cầu thành 2 bán cầu

- A. bán cầu Đông và Tây. B. bán cầu Bắc và Đông.
C. bán cầu Tây và Nam. D. bán cầu Bắc và Nam.

Câu 7: Kí hiệu nào sau đây thuộc bản đồ địa hình?

- A. Thù đồ. B. Biên giới quốc gia. C. Đỉnh núi. D. Đường sắt.

Câu 8: Kí hiệu nào sau đây thuộc bản đồ hành chính?

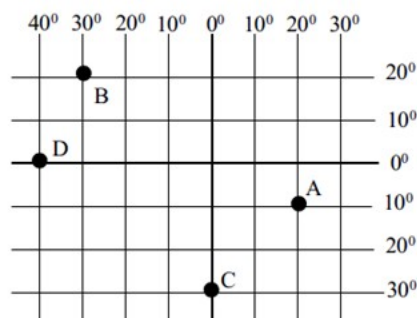
- A. Đỉnh núi. C. Hướng gió. C. Độ sâu. D. Thành phố

PHẦN II. TỰ LUẬN (3,0 điểm).

Câu 1 (1,5 điểm). Trình bày được hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau.

Câu 2 (1,5 điểm).

a) Viết tọa độ địa lí các điểm A, B, C, D.



b) Một dòng sông có độ dài 8km. Trên bản đồ có tỉ lệ 1 : 100000 thì con sông đó dài bao nhiêu cm?

-----Hết-----

4. Hướng dẫn chấm và biểu điểm

PHÒNG GD&ĐT HẢI HẬU
TRƯỜNG THCS HẢI LÝ

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA ĐÁNH GIÁ
GIỮA HỌC KÌ I
NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Địa lý – lớp 6

(Thời gian làm bài: 45 phút)

HƯỚNG DẪN CHẤM

I. Trắc nghiệm: Mỗi câu đúng 0,25đ

Câu	1	2	3	4	5	6	7	8
Đáp án	C	A	B	B	A	D	C	D

II. Tự luận

Câu	Nội dung	Điểm
1	Trình bày hiện tượng ngày đêm luân phiên nhau	1,5
	- Do Trái Đất hình cầu nên lúc nào cũng chỉ được Mặt Trời chiếu sáng một nửa (0,5đ). Nửa được chiếu sáng là ngày, nửa trong bóng tối là đêm. (0,25đ)	0,75
	- Do sự chuyển động tự quay quanh trục (0,25đ) theo hướng từ tây sang đông (0,25đ) nên ở khắp nơi trên Trái Đất đều lần lượt có ngày và đêm luân phiên nhau. (0,25đ)	0,75
2	a) Viết tọa độ các điểm A, B, C, D. Mỗi tọa độ đúng được 0,25đ	1
	A (10 ⁰ N, 20 ⁰ Đ) B (20 ⁰ B, 30 ⁰ T) C (30 ⁰ N, 0 ⁰) D (0 ⁰ N, 40 ⁰ T)	
	b) Đồi 8km = 800000cm. Tỷ lệ 1 : 100000 Khoảng cách trên bản đồ của con sông đó là 800000 : 100000 = 8 cm	0,5
	- HS đặt được phép tính được 0,25đ - HS tính đúng được 0,25đ.	

5. Phụ lục (nếu có)

6. Nhận xét: Ưu – nhược điểm